FireAnt

CTCP Tập đoàn Đầu tư Thăng Long (HNX: TIG)

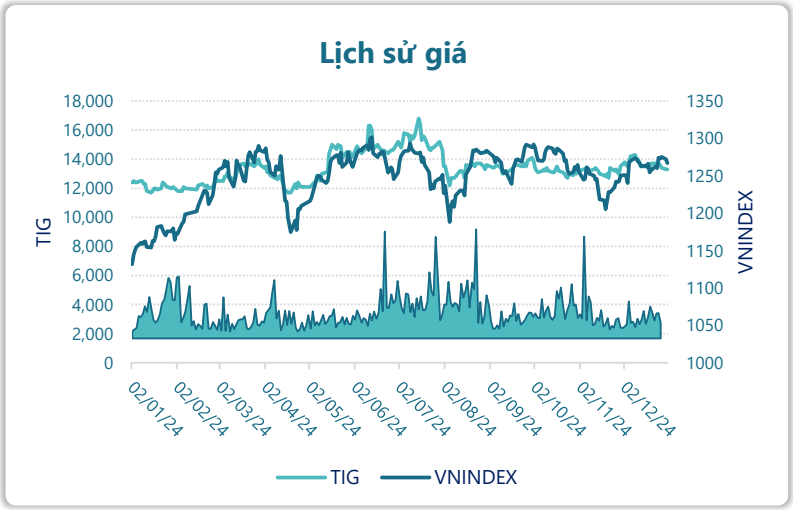

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**13,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,700
SL cổ phiếu LH	193,606,205
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,423,735
% sở hữu nước ngoài	9.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,575
P/E	18.1
EPS	736

DT thuần

Q4/24

400

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 19.0| 5.1%

YoY: ▼10.0| -2.4%

LN sau thuế

Q4/24

-42.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼104| -169%

YoY: ▼63.2| -307%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

21.7%

+/- YoY: ▼ 1.7%

DT thuần

2024

1,499

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 266| 21.6%

LN sau thuế

2024

140

tỷ VNĐ

YoY: ▼86.0| -38.0%

ROE

2024

6.5%

+/- YoY: ▼ 2.3%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

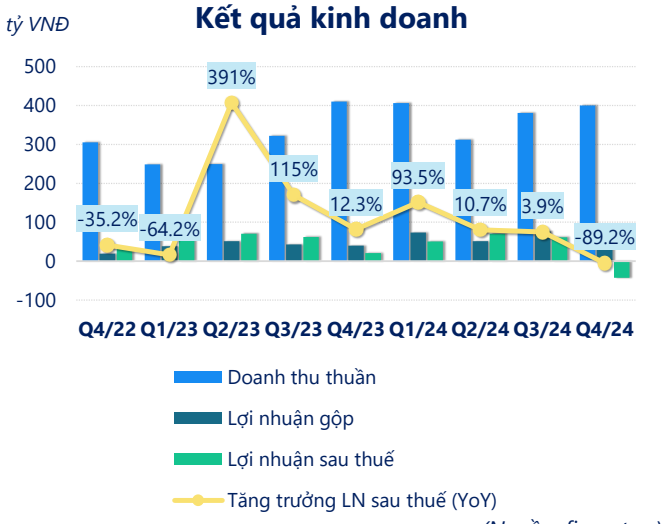

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

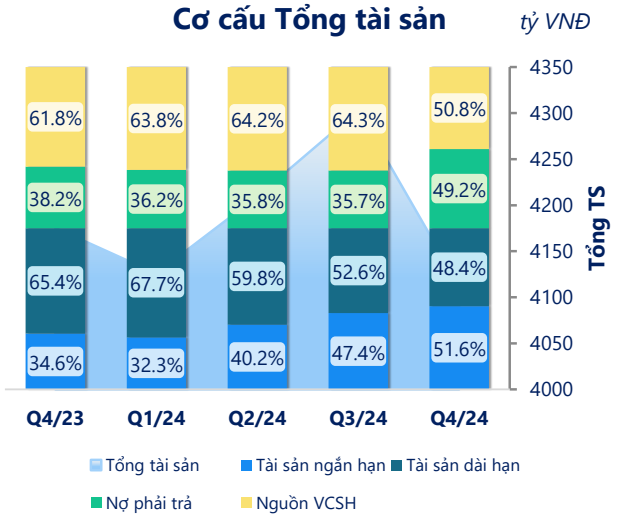

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

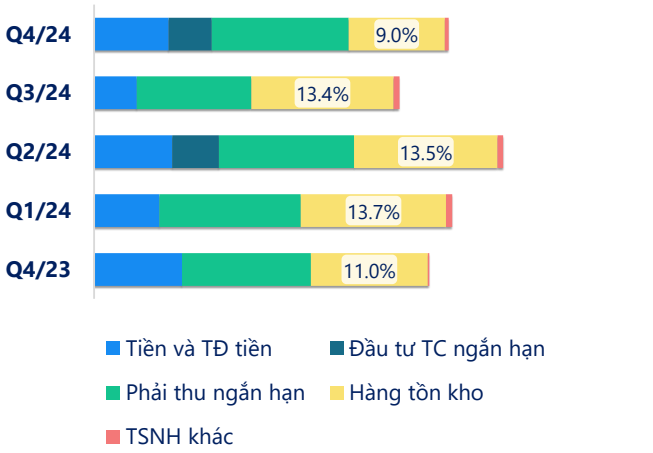

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

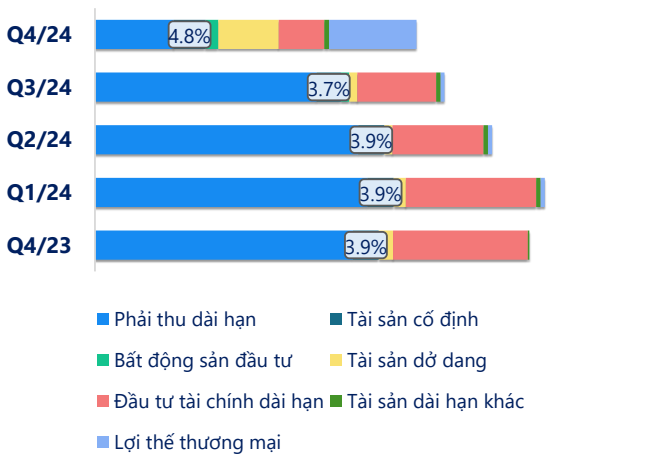

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

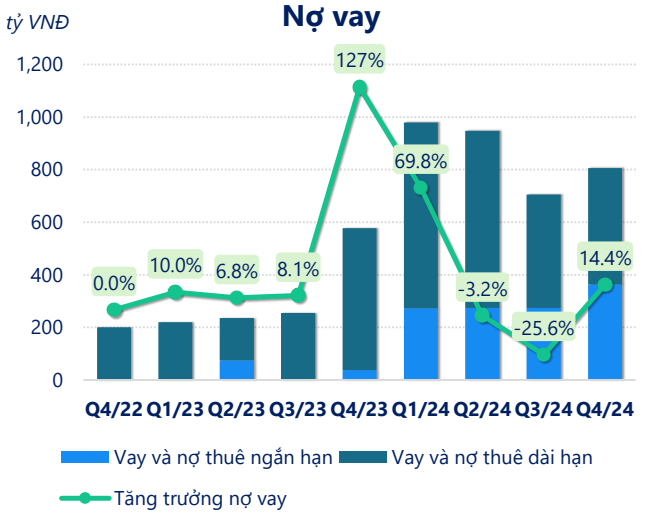

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

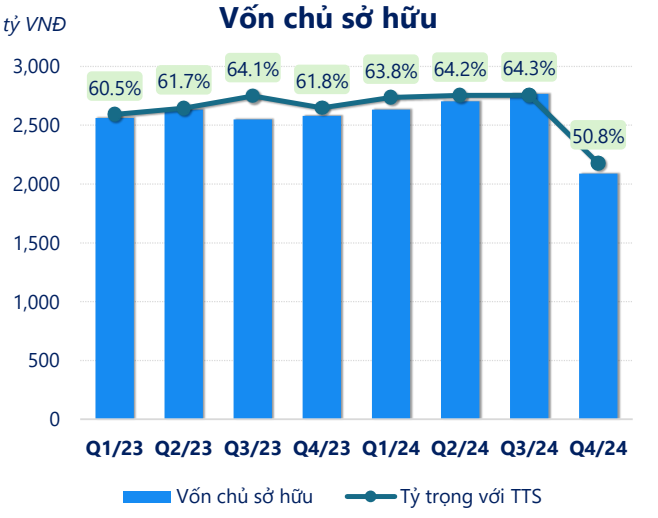

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

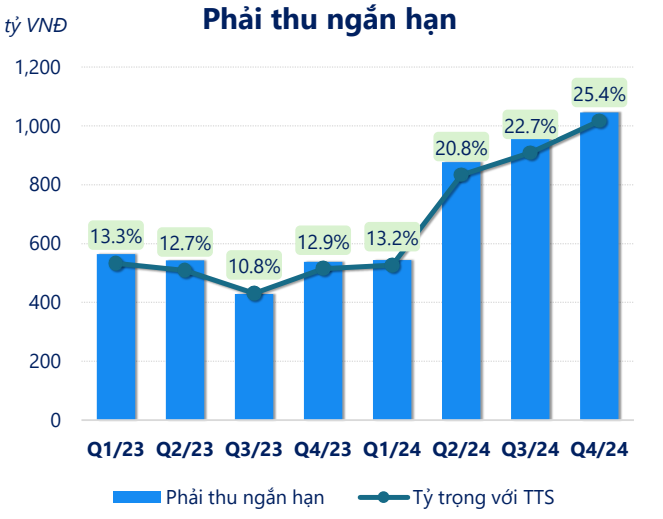

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

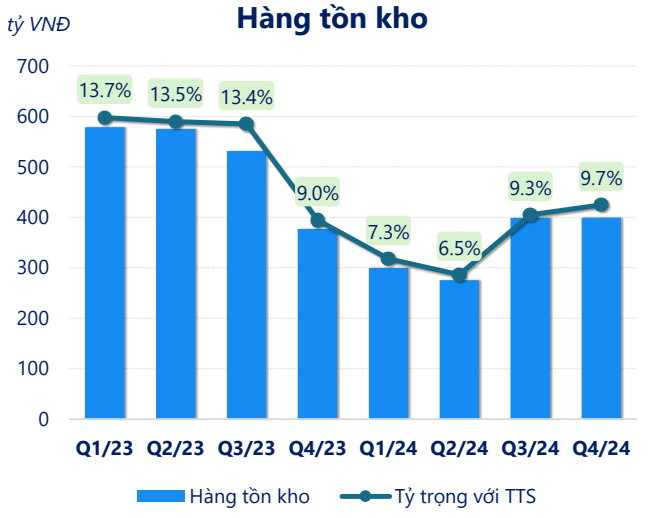

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

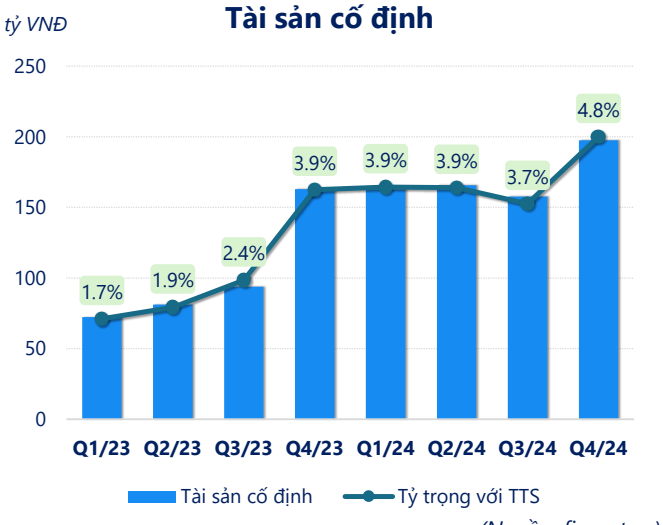

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

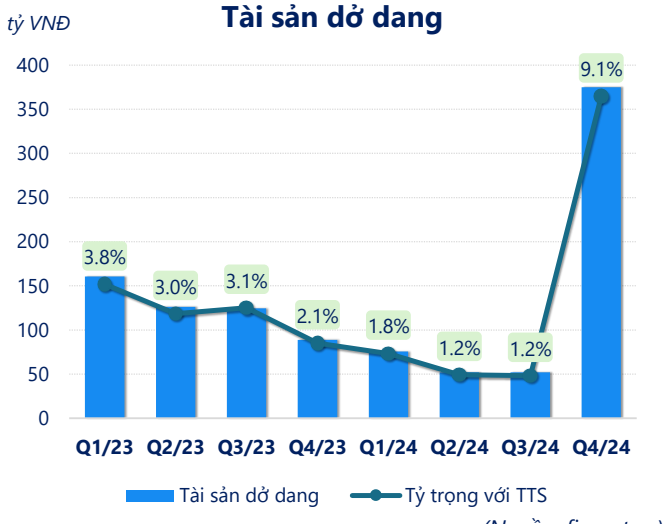

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

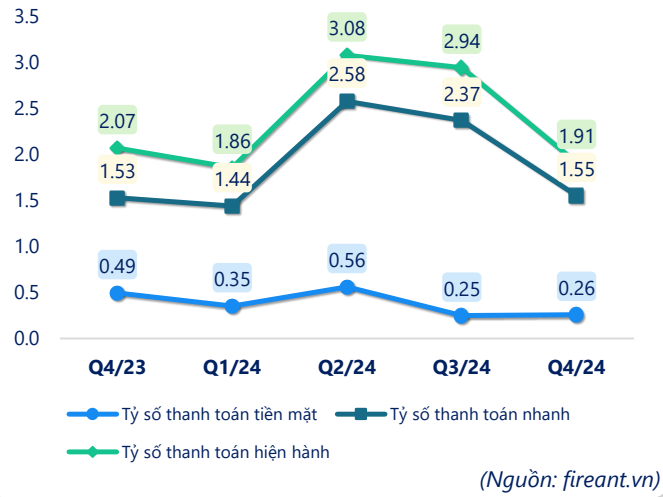

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

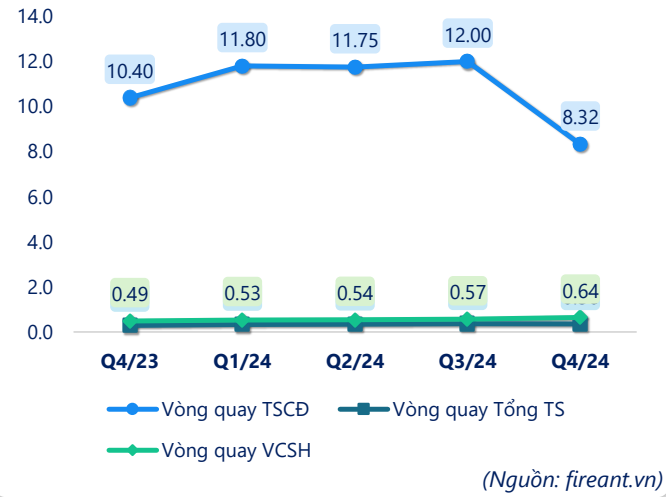

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**4,175**	**4,126**	**4,210**	**4,303**	**4,112**
Tài sản ngắn hạn	**1,446**	**1,333**	**1,694**	**2,040**	**2,123**
Tiền và tương đương tiền	346	253	309	173	288
Đầu tư tài chính ngắn hạn	170	222	221	488	379
Phải thu ngắn hạn	538	544	877	978	1,046
Hàng tồn kho	377	300	276	399	399
Tài sản ngắn hạn khác	16.2	15.0	11.3	3.74	11.0
Tài sản dài hạn	**2,729**	**2,793**	**2,516**	**2,263**	**1,989**
Phải thu dài hạn	1,621	1,692	1,667	1,435	487
Tài sản cố định	163	163	166	158	197
Bất động sản đầu tư	0	0	0	53.7	78.3
Tài sản dở dang	88.8	75.6	51.9	51.9	375
Đầu tư tài chính dài hạn	847	809	576	512	282
Tài sản dài hạn khác	10.3	27.6	29.4	28.5	28.6
Lợi thế thương mại	0	26.3	25.6	24.9	541
Nợ phải trả	**1,595**	**1,492**	**1,505**	**1,537**	**2,023**
Nợ ngắn hạn	**699**	**718**	**550**	**693**	**1,112**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	37.7	272	274	274	363
Phải trả người bán ngắn hạn	68.3	95.9	68.3	171	95.8
Nợ dài hạn	896	775	955	844	912
Vay và nợ thuê dài hạn	539	707	674	431	443
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,580**	**2,634**	**2,704**	**2,766**	**2,089**
Vốn chủ sở hữu	**2,580**	**2,634**	**2,704**	**2,766**	**2,089**
Vốn điều lệ	1,936	1,936	1,936	1,936	1,936
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)